

Biểu mẫu 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC TRƯỜNG THCS HIỆP PHÚ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tuyển sinh theo phân tuyến	HS lớp 6 năm học 2022-2023	HS lớp 7 năm học 2022-2023	HS lớp 8 năm học 2022-2023
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	CTGDPT 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Nhà trường và gia đình thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin qua group zalo, điện thoại, nhắn tin trên hệ thống vietschool. - Yêu cầu: Học sinh luôn tích cực, chăm chỉ trong học tập; Lễ phép với mọi người xung quanh.	-Nhà trường và gia đình thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin qua group zalo, điện thoại, nhắn tin trên hệ thống vietschool. - Yêu cầu: Học sinh luôn tích cực, chăm chỉ trong học tập; Lễ phép với mọi người xung quanh.	- Thực hiện tốt việc xây dựng nề nếp lớp, thường xuyên gắn kết với lớp với phụ huynh để giáo dục đạo đức học sinh. - Thái độ học tập của học sinh: luôn tích cực trong học tập, tích cực tham gia các phong trào do ngành, địa phương và nhà trường tổ chức.	- Thực hiện tốt việc xây dựng nề nếp lớp, thường xuyên gắn kết với lớp với phụ huynh để giáo dục đạo đức học sinh. - Thái độ học tập của học sinh: luôn tích cực trong học tập, tích cực tham gia các phong trào do ngành, địa phương và nhà trường tổ chức.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo	-Trong học tập: BDHSG, phụ đạo học	-Trong học tập: BDHSG, phụ đạo học	Trong học tập: BDHSG, phụ đạo học sinh	Trong học tập: BDHSG, phụ đạo học sinh

	dục	sinh yếu, kém để các em theo kịp chương trình. - Sinh hoạt: Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, góc thư giãn, con đường sách của em, phổ cập bơi; Câu lạc bộ... để học sinh được tham gia vui chơi, trải nghiệm	sinh yếu, kém để các em theo kịp chương trình. - Sinh hoạt: Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, góc thư giãn, con đường sách của em, phổ cập bơi; Câu lạc bộ... để học sinh được tham gia vui chơi, trải nghiệm	yếu, kém để các em theo kịp chương trình. - Sinh hoạt: Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, góc thư giãn, con đường sách của em, phổ cập bơi; Câu lạc bộ... để học sinh được tham gia vui chơi, trải nghiệm	yếu, kém để các em theo kịp chương trình. - Sinh hoạt: Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, góc thư giãn, con đường sách của em, phổ cập bơi; Câu lạc bộ... để học sinh được tham gia vui chơi, trải nghiệm
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% sức khỏe tốt.	- 100% sức khỏe tốt.	- 100% sức khỏe tốt.	- 100% sức khỏe tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh có khả năng học tiếp.	100% học sinh có khả năng học tiếp.	100% học sinh đủ khả năng tiếp tục học tập.	100% học sinh đủ khả năng tiếp tục học tập.

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Văn Hải Sơn

Biểu mẫu 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC TRƯỜNG THCS HIỆP PHÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1.693	553	408	328	404
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1.693	553	408	328	404
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học					

	sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	01				01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	01			01	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1.693/806	553/235	408/210	328/159	404/202
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	25	07	05	05	08

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ngô Văn Hải Sơn

Biểu mẫu 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC TRƯỜNG THCS HIỆP PHÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	12	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	41/45	0.9
8	Bình quân học sinh/lớp	41	1.5/1
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	12.129,07	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5.946,19	
VI	Tổng diện tích các phòng	11.897,51	
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	90	
3	Diện tích thư viện (m ²)	477	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	554.8	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30 - 60	



VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			Số bộ/lớp
	1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
	1.1	Khối lớp 6	14	1.4
	1.2	Khối lớp 7	12	1.2
	1.3	Khối lớp 8	15	1.88
1.4	Khối lớp 9	11	1.1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		0	0
	2.1	Khối lớp 6	0	0
	2.2	Khối lớp 7	0	0
	2.3	Khối lớp 8	0	0
	2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1- 60m ²	0.1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		125	3.05
	IX Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	45	1.09	
2	Cát xét	02	0.05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.33	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	0.27	
5	Thiết bị khác: CPU	45	1.09	
6	Màn hình máy tính	10	0.33	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	45	1.09
2	Cát xét	02	0.05
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.33
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	2.07

5	Thiết bị khác: CPU	45	1.09
6	Màn hình máy tính	10	0.33

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	142.2
XI	Nhà ăn	477

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	27 phòng - 1512	1.148	1.32
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	0	20	0	0.24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Văn Hải Sơn

Biểu mẫu 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HIỆP PHÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

[illegible]

2	Phó hiệu trưởng	02			02														
III	Nhân viên	14			02	02	01	09											
1	Nhân viên văn thư	01			01														
2	Nhân viên kế toán	01			01														
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0											
4	Nhân viên y tế	01				01													
5	Nhân viên thư viện	01					01												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0											
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0											
9	Nhân viên Bảo vệ	04	0	0	0	0	0	04											
	Nhân viên phục vụ	04	0	0	0	0	0	04											
	Nhân viên giám thị	02	0	0	0	01	0	01											

Tp. Thủ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng An